

## LỖI NGỮ PHÁP CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TIẾNG VIỆT

DƯ NGỌC NGÂN\*

### 1. Vấn đề phân tích lỗi của người học ngoại ngữ

Có thể nói một trong những chuyển biến quan trọng của ngôn ngữ học ứng dụng dạy tiếng những năm gần đây là sự chuyển hướng từ quan điểm người dạy với vai trò là người kiểm soát quá trình học sang quan điểm trung tâm là người học. Trong lĩnh vực dạy ngoại ngữ (thường được gọi chung là ngôn ngữ thứ hai), quan điểm này nhấn mạnh năng lực của người học trong việc tạo lập những giả thuyết khi chuyển sang tiềm năng song ngữ (bilingual competence) đáp ứng những nhu cầu giao tiếp của họ. Một biểu hiện của quan điểm này là sự quan tâm ngày càng nhiều vào ngôn ngữ của người học đặc biệt là việc phân tích lỗi của người học trong quá trình học tập và sử dụng ngôn ngữ thứ hai.

Lỗi trong việc học tiếng là những hiện tượng lệch chuẩn, đi chệch với những quy tắc của hệ thống ngôn ngữ đích tức ngôn ngữ được học. Đối với các nhà ngôn ngữ học, phân tích lỗi có giá trị về lý thuyết ngôn ngữ học và việc thực hành dạy tiếng. Phân tích lỗi cung cấp những ngữ liệu thực nghiệm có giá trị cho lý thuyết về tiếng chẳng hạn cách làm thế nào để người học tiếp thu cách tri nhận và những quy tắc của một ngôn ngữ hoàn toàn mới đối với họ, những vấn đề phân biệt về hiệu lực của ngữ năng (competence) và dụng ngôn (performance)... Bên cạnh đó, phân tích lỗi còn là những kiểm chứng quan trọng của ngôn ngữ học ứng dụng dạy tiếng; từ thực tế đánh giá lỗi của người học, những mức độ trầm trọng và độ sai của lỗi, nguồn gốc của lỗi, người dạy có thể thiết kế một chương trình dạy tiếng có hiệu quả, phù hợp với tâm lý người học, với bản chất của quá trình học tập của người học. Theo giả thuyết của một số nhà ngôn ngữ học như S. P. Corder (1971), J. C. Richards và G. P. Sampson (1974) khi tiếp thu chương trình, đề cương bài giảng có tính chất cung cấp kiến thức của người dạy, người học đã thiết lập chương trình, đề cương học tập cho chính mình cũng như điều khiển việc học của chính mình và trong quá trình sản sinh ra những quy tắc mới từ những quy tắc được cung cấp, người học có thể gây ra lỗi, hay nói cách khác lỗi là sự thể hiện những chiến lược học tập của người học trong quá trình khám phá ngôn ngữ đích. Những quan niệm này cũng trùng với những giả thuyết về hệ thống ngôn ngữ tiệm cận (approximative system of language) của W. Nemser (1971)

\* Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.

hay ngôn ngữ trung gian (interlanguage) của L. Selinker (1972), theo những giả thuyết này đây là những hệ thống ngôn ngữ được người học sáng tạo và sử dụng dựa trên những chuẩn tắc của ngôn ngữ đích (ngôn ngữ được học) và những kinh nghiệm từ sự thụ đắc ngôn ngữ nguồn (tiếng mẹ đẻ) trong những nỗ lực chiếm lĩnh ngôn ngữ đích.

Phân tích đối chiếu (contrastive analysis) với tư cách là một lĩnh vực nghiên cứu từ quan niệm về sự giao thoa (interference) giữa hai hệ thống ngôn ngữ (ngôn ngữ nguồn – source language, tức ngôn ngữ mẹ đẻ của người học và ngôn ngữ đích – target language, tức ngôn ngữ được học). Các nhà ngôn ngữ học theo hướng đối chiếu nhận thấy rằng hầu hết những câu lệch chuẩn của những người học ngoại ngữ là do sự chuyển di ngôn ngữ (language transfer) tức sự mở rộng có hay không có ý thức của người học về những thói quen từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Từ đó sự giao thoa ngôn ngữ là nguồn gốc gây lỗi được xem là sự chuyển di tiêu cực (phân biệt với chuyển di tích cực là những trường hợp chuyển di tạo điều kiện thuận lợi cho việc học ngoại ngữ). Hướng đi chủ yếu của phân tích đối chiếu là dự đoán lỗi của người học ngoại ngữ từ những kết quả so sánh, đối chiếu hai hệ thống ngôn ngữ: ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Kết quả của hướng nghiên cứu này sẽ dẫn đến một danh sách liệt kê những phạm vi khó khăn mà người học có thể gặp phải cũng như hướng sự chú ý của giáo viên vào những phạm vi này để có sự quan tâm đặc biệt và trong việc giảng dạy định hướng cho người học cách vượt qua hoặc tránh những lỗi đã được báo trước này.

Các nhà nghiên cứu, phân tích lỗi theo hướng truyền thống và các khuynh hướng khác phê phán hướng nghiên cứu đối chiếu là quá chú trọng vào sự phân tích hai nền ngữ pháp, những yếu tố tiềm năng mà chưa chú ý đúng mức đến thực tế sử dụng của người học. Hơn nữa chuyển di ngôn ngữ không phải là nguyên nhân duy nhất gây lỗi của người học. Ngoài nguyên nhân là sự chuyển di ngôn ngữ một số nhà ngôn ngữ học còn nói đến những nguyên nhân khác như sự khái quát quá mức những quy tắc của ngôn ngữ đích (overgeneralization of target language rules), những chiến lược học tập (strategies of learning) ngôn ngữ đích, những chiến lược giao tiếp (strategies of communication), hoặc sự chuyển di của việc đào tạo (transfer of training).

## 2. Lỗi ngữ pháp thường thấy của người nước ngoài học tiếng Việt

### 2.1- Những loại lỗi ngữ pháp thường thấy của người nước ngoài học tiếng Việt

Ngữ liệu khảo sát phần này bao gồm 530 bài viết bằng tiếng Việt của học viên nước ngoài nói nhiều ngôn ngữ khác nhau như Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Mỹ, Pháp. Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi xác định được một số lỗi ngữ pháp thường thấy của học viên nước ngoài học tiếng Việt.

2.1.1- Lỗi về trật tự các thành tố trong các kết cấu cú pháp

Đây là loại lỗi mà trật tự sắp xếp các thành tố trong các kết cấu cú pháp không phù hợp với quy tắc ngữ pháp của tiếng Việt. Có thể thấy loại lỗi này ở nhiều loại kết cấu ngữ pháp như từ ghép, ngữ (tổ hợp từ tự do có quan hệ chính phụ) và câu. Trong phần này, chúng tôi tập trung khảo sát những trường hợp lỗi sai trong ngữ và câu (gọi tắt là lỗi về trật tự từ ngữ).

Loại lỗi này rất phổ biến trong các lỗi về ngữ pháp của học viên nước ngoài. Trong 282 lỗi về ngữ pháp trên 530 bài viết của người học có 108 lỗi loại này, chiếm tỷ lệ 38,29%.

Lỗi về trật tự từ ngữ bao gồm các dạng chủ yếu sau đây:

(i) - Lỗi đặt sai vị trí của các phụ ngữ (định ngữ hoặc bổ ngữ)

Qua khảo sát câu văn của học viên nước ngoài, có thể thấy nhiều học viên nước ngoài (đặc biệt là học viên Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc...) thường sắp xếp các thành tố trong ngữ, tức tổ hợp chính phụ theo trật tự ngược cú pháp tiếng Việt. Đó là một trật tự được thiết lập không dựa trên cơ sở cú pháp Việt. Trật tự cú pháp thông thường của các thành tố trong các ngữ chính phụ tiếng Việt (khi thành tố phụ là thực từ) là **chính (trước) – phụ (sau)**, nghĩa là các phụ ngữ (định ngữ hoặc bổ ngữ) theo sau thành tố trung tâm. Nhưng trong một số văn bản khảo sát, các thành tố này được sắp xếp theo một trật tự ngược lại: **phụ (trước)– chính (sau)**.

Ví dụ: - Tôi có bạn thân một người.

- Nước của tôi cũng có món ăn rất nhiều loại.

- Nam tặng tôi một cuốn Việt Nam lịch sử.

- Tôi sở thích quan trọng nhất là đi du lịch

- Hình thức hành chính quản lý nhà nước thì quan trọng.

- Tôi đồng ý chiếc áo dài của người phụ nữ V.N. đẹp vì chiếc áo dài thể hiện được phụ nữ tính hiền dịu, thanh nhã và thể hiện được phụ nữ hình thể.

Một hiện tượng cũng đáng chú ý là trong câu hỏi các đại từ nghi vấn hoặc những tổ hợp có đại từ nghi vấn thường được người viết đặt ở đầu câu hoặc trước vị ngữ.

Ví dụ: - Hôm nay ở đâu ăn cơm trưa?

- Bao nhiêu xa từ đây đến công viên Đầm Sen?

- Bao nhiêu phần trăm hiểu?

(ii) - Lỗi đặt sai vị trí của từ tình thái

Trong các kết cấu ngữ pháp tiếng Việt, có thể có mặt những từ mà chức năng của chúng là biểu thị một số ý nghĩa tình thái. Các từ này có những vị trí nhất định trong ngữ mà nếu có sự chuyển đổi thì ý nghĩa của chúng cũng như của toàn tổ hợp sẽ ít nhiều thay đổi. Chẳng hạn những từ “được” trong nhóm động từ “được, bị, phải, chịu” đảm nhiệm chức năng thành tố trung tâm chỉ ý tiếp thụ, nghĩa là “tiếp nhận một sự vật hay một sự thể có thuận lợi cho chủ thể” (ví dụ: được lái xe, được nói tiếng Anh ...), nhưng khi ở sau một động từ (hoặc ngữ động từ) khác, các từ này sẽ có sự chuyển đổi về chức năng ngữ pháp và ngữ nghĩa, chẳng hạn “được” đảm nhiệm chức năng bổ ngữ và biểu thị “khả năng hoặc kết quả thuận lợi cho chủ thể” (ví dụ: lái xe được, nói được tiếng Anh ...). Việc vận dụng các kết cấu này theo một trật tự tùy tiện có thể dẫn đến lỗi sai, ý của câu không phù hợp với ý người nói, chẳng hạn những câu sau đây trong những bài viết của học viên nước ngoài.

- Sáng nay tôi không được đến lớp vì bị đau đầu. (ý người nói là “không đến lớp được”)

- Nó không lái xe được vì chưa có bằng lái xe. (ý người nói là “không được lái xe”)

Ngoài ra, còn có nhiều trường hợp lỗi do cách dùng một số từ tình thái khác trong tiếng Việt (ngữ pháp truyền thống gọi là phụ từ hay phó từ) ở những vị trí mà nội dung biểu hiện nghĩa tình thái không phù hợp với nội dung, dụng ý diễn đạt của người viết. Ví dụ: cách dùng từ “lại” (biểu thị ý lặp lại) sau đây:

- Chủ nhật tuần trước chúng tôi lại gặp thầy giáo cũ. (Chúng tôi rất vui).

- Sau khi tốt nghiệp đại học em sẽ làm việc lại ở Việt Nam luôn.

Dạng lỗi này có thể dẫn đến việc hiểu sai lệch ý nghĩa của câu nếu câu tách ra khỏi ngữ cảnh.

2.1.2- Lỗi về kết hợp từ ngữ

Chúng tôi cho đây là những lỗi sai vì cách kết hợp các từ ngữ trong câu không phù hợp với quy tắc của ngữ pháp tiếng Việt. Loại lỗi này có số lượng là 76/282, chiếm tỷ lệ 26,95%, bao gồm các dạng lỗi sau:

(i) - Lỗi dùng thiếu danh từ chỉ đơn vị (loại từ) trong danh ngữ

Sự có mặt của danh từ chỉ đơn vị bên cạnh nhiều danh từ chỉ sự vật trong việc tạo lập danh ngữ là nét đặc thù của tiếng Việt so với nhiều ngôn ngữ khác. Các học viên nước ngoài thường có khuynh hướng ít chú trọng đến sự có mặt của lớp từ chỉ đơn vị bên cạnh danh từ chỉ sự vật. Cách dùng các tổ hợp như sách ấy, bút đó, đồng

hồ này, áo đó, một xe máy, ba báo, hai thut.. để biểu đạt một hay nhiều đơn vị sự vật là khá phổ biến đối với học viên nước ngoài.

Chẳng hạn như để biểu đạt về một đơn vị sự vật được xác định học viên nước ngoài viết các câu sau đây:

- Sách mà bạn tôi tặng tôi tuần trước rất hay.
- Cam này ngọt quá!
- Em bé ấy rất thích áo trong tủ đó.

Cách biểu đạt như thế này có thể gây nhầm lẫn giữa ý nghĩa đơn vị và ý nghĩa chủng loại sự vật hoặc về số lượng sự vật. Những câu trên có thể tạo ra những cách hiểu khác với ý định biểu đạt của người nói. Chẳng hạn, trong tiếng Việt câu “Cam này ngọt quá!” (thay vì viết “ Quả cam này ngọt quá!”) có thể được hiểu là “Loại cam/ những quả cam này ngọt quá!”, “sách” trong “Sách mà bạn tôi tặng tôi tuần trước” (thay vì viết “ Cuốn sách mà bạn tôi tặng tôi tuần trước”) có thể được hiểu là “loại sách” hoặc “những cuốn sách”. Trong tiếng Việt, “Nhà đất quá!” và “Căn nhà đất quá!” là những câu có sự phân biệt về ý nghĩa chủng loại và đơn vị sự vật.

(ii) - Lỗi dùng thừa từ “là”

Có thể nói đây là lỗi dùng từ “là” không đúng chức năng.

Trong tiếng Việt từ “là” là một từ có chức năng khá phong phú, đa dạng, trong đó có ba chức năng là mở đầu vị ngữ, một trong hai thành phần chính của câu, khi vị ngữ là danh từ hoặc danh ngữ; liên kết hoặc tình thái hoá (nhấn mạnh) nội dung được biểu đạt sau đó. Trong ngữ liệu khảo sát, nhiều trường hợp từ “là” được dùng không thể hiện các chức năng này.

- Ví dụ: - My là thích tự do và hạnh phúc.  
 - Các bạn ấy là suy nghĩ không tốt.  
 - Nhiều người là cảm thấy chán nản khi gặp khó khăn.

(iii) - Lỗi kết hợp từ ngữ không đúng quy tắc của ngữ pháp tiếng Việt

Tất cả những lỗi còn lại chúng tôi tạm đưa vào dạng lỗi này. Lỗi này có thể thấy ở một số ví dụ sau đây về cách dùng động từ chỉ sự di chuyển “đi” cùng với bổ ngữ chỉ điểm đích (đôi khi có từ chỉ hướng “đến”), danh từ chỉ thời gian “khi” (“khi” là từ chỉ thời điểm), cấu trúc “nào ... đều” biểu thị ý đồng nhất về một đặc điểm nào đó của một đơn vị bất kỳ trong một tập hợp cùng loại (“nào ... cũng” phù hợp hơn).

- Ví dụ: - Sáng hôm qua khi em đi trường thì em gặp một tai nạn giao thông.  
 - Tôi tới Sài Gòn bằng máy bay khi buổi tối.  
 - Khi ngày Tết mọi người đi du lịch nhiều.  
 - Em dạo này rất bận sau khi tháng năm mới có tháng thoải mái hơn.

- Việt Nam khu vực nào đều có món ăn đặc sản khác nhau.

### 2.1.3- Lỗi về dùng kết từ

Loại lỗi này chiếm tỷ lệ là 19,85% (56/ 282 lỗi), bao gồm các dạng lỗi sau:

(i) - Lỗi dùng sai kết từ (hoặc dùng kết từ không phù hợp)

Lỗi dùng kết từ thể hiện ở cách dùng kết từ không phù hợp với chức năng ngữ pháp và ngữ nghĩa của chúng.

Ví dụ: - Với ngày nay nền khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão.

- Nếu tôi trở thành giáo viên để dạy tiếng Việt cho người Hàn Quốc, tôi không những phải biết tiếng Việt mà còn phải biết về văn hóa, lịch sử cho người Việt.

- Tôi phải cố gắng nhiều để tương lai của tôi.

- Tôi được các bạn Việt Nam giúp đỡ nhiều tại vì tôi là người nước ngoài.

(ii) - Lỗi dùng thừa kết từ hoặc thiếu kết từ

Lỗi dùng thừa kết từ có thể thấy ở trường hợp dùng kết từ “ở” (biểu thị quan hệ vị trí và được dùng với động từ chỉ sự di chuyển có hướng) không cần thiết hoặc lặp lại liên tiếp nhiều kết từ “và” (biểu thị quan hệ liên hợp, liệt kê, thường thấy trong văn viết).

Ví dụ: - Sáng đó chúng em đến ở trường nhưng không gặp ai.

- Mấy năm trước tôi đã đi ở Campuchia.

- Sau đó ông ấy trở lại ở nước Pháp.

- Tôi đi du lịch nhiều ở Việt Nam nhưng thích Hội An nhất tại vì Hội An rất có duyên và có nhiều khu biển đẹp và tôi rất thích đi bộ và đi bơi ở biển.

Trong ngữ liệu còn có một số trường hợp dùng thiếu kết từ.

Ví dụ: - Bạn tôi làm việc công ty Trần Hưng Đạo.

- Họ vay một số tiền ngân hàng.

### 2.1.4 - Lỗi tách câu, chấm câu tùy tiện

Có thể xem đây là trường hợp lỗi viết câu sai ngữ pháp, câu thiếu thành phần chính (nòng cốt câu) như câu chỉ có trạng ngữ hoặc chủ ngữ, vị ngữ; lỗi tách câu ghép có kết từ, chẳng hạn khá nhiều câu bắt đầu bằng kết từ “nên” (ví dụ: Cà phê Việt Nam rất thơm và ngon. Nên ngay cả những người uống khó tính cũng thích cà phê Việt Nam). Loại lỗi sai này chiếm 14,90% lỗi sai ngữ pháp của học viên nước ngoài.

Về dấu câu, các học viên nước ngoài thường ít chú ý đến dấu câu nên nhiều trường hợp thiếu dấu câu hoặc chỉ dùng dấu chấm và dấu phẩy, rất ít dùng các loại dấu câu khác.

## 2.2. Nguyên nhân của những lỗi sai

Nguyên nhân của những lỗi sai nói chung là do người học chưa nắm vững các quy tắc ngữ pháp tiếng Việt hoặc nói, viết tùy tiện, không chú ý những kiến thức về ngữ pháp. Tuy nhiên, tiếp thu những kết quả nghiên cứu của một số nhà ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học tâm lý về phân tích lỗi của người học ngoại ngữ, chúng tôi thử phân tích cụ thể hơn nguyên nhân gây những lỗi về ngữ pháp của người nước ngoài học tiếng Việt.

1- Sự chuyển di từ tiếng mẹ đẻ (tức ngôn ngữ nguồn) là quá trình mà người học thể hiện những thói quen ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ khi học tập và sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Hiện tượng này thường được xem là sự giao thoa giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Trong quá trình chuyển di, người học đã vận dụng những quy tắc ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ vào việc tạo lập các đơn vị ngữ pháp, các kết cấu ngữ pháp của ngôn ngữ đang được học.

Trong các lỗi đã được trình bày trên đây, lỗi về trật tự các thành tố trong các kết cấu cú pháp có thể được xem có nguyên nhân thuộc loại này. Do chưa nắm vững quy tắc ngữ pháp về trật tự sắp xếp các thành tố ngữ pháp trong tiếng Việt, người học đã vận dụng một cách máy móc các quy tắc ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ khi tạo lập câu. Lỗi sẽ xuất hiện nếu ngữ pháp của hai ngôn ngữ không tương đồng với nhau. Chẳng hạn tiếng Hàn và tiếng Nhật là hai ngôn ngữ thuộc loại hình chấp dính và theo trật tự SOV (chủ ngữ-bổ ngữ-động từ) trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, trật tự SVO (chủ ngữ-động từ-bổ ngữ). Vị trí của các phụ ngữ trong các danh ngữ, tính ngữ của tiếng Hàn và tiếng Nhật theo trật tự P- C (phụ-chính) khác với trật tự C-P (chính-phụ) của tiếng Việt. Đây có thể là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng sai phổ biến về trật tự từ ngữ trong những học viên Hàn Quốc và Nhật.

2- Có thể thấy một nguyên nhân dẫn đến nhiều lỗi ngữ pháp đã được nói đến ở trên là sự khái quát thái quá những quy tắc của ngôn ngữ đích. Đây là quá trình hoạt động tư duy mang tính chất suy diễn của người học. Quá trình này thể hiện ở sự suy luận nhầm lẫn về sự tương đồng giữa hình thức ngôn ngữ nào đó với những hình thức ngôn ngữ khác có liên quan hoặc sự mở rộng phạm vi sử dụng những hình thức đó đến những ngữ cảnh không phù hợp hoặc dẫn đến trường hợp sai ngữ pháp.

Có khá nhiều trường hợp người nước ngoài học tiếng Việt dùng cách suy diễn này trong việc học tập cũng như sử dụng tiếng Việt. Chẳng hạn: từ tổ hợp “ngày kia” chỉ “ngày liền sau ngày mai” người học suy diễn ra những tổ hợp kiểu “từ chỉ thời

gian + kia” để chỉ những đơn vị thời gian sau thời điểm hiện tại như “tuần kia, tháng kia, năm kia” mà không biết là trong tiếng Việt không có những cách tổ hợp này hoặc cụm từ này, tổ hợp loại này có ý nghĩa khác như “năm kia” có nghĩa là “năm liền trước năm ngoái”, “hôm kia” là “ngày liền trước ngày hôm qua”. Tương tự như vậy, trong tiếng Việt có những kiểu tổ hợp như “đi chợ, đi chùa, đi nhà thờ, đi biển...” chỉ hoạt động di chuyển đến một nơi khác, chỗ khác để làm một công việc, một nhiệm vụ nào đó (khác với ý nghĩa cụ thể của “đi đến chợ, đi đến chùa, đi đến nhà thờ”), một số học viên nước ngoài đã mở rộng kiểu tổ hợp này để tạo lập các cụm từ như “đi trường, đi lớp, đi nhà bạn ...”; bên cạnh đó, họ lại thường dùng kết từ “ở”, một kết từ có ý nghĩa vị trí để biểu thị hướng như trong những tổ hợp có trung tâm là động từ chỉ sự di chuyển có hướng “đến ở Huế, tới ở đó, trở lại ở Việt Nam ...”.

3- Một nguyên nhân khác có thể gây ra lỗi là những chiến lược học tập của người học trong một nỗ lực có ý thức để làm chủ ngôn ngữ đích. Đây là quá trình mà người học từ những kiến thức đã học cố gắng xây dựng những quy tắc thường là đơn giản hơn để dễ sử dụng. Trong xu hướng đơn giản hoá hệ thống ngôn ngữ đang học, người học có thể tạo ra những cách dùng, cách hiểu sai.

Những lỗi về dùng các từ chức năng, các từ tình thái (dùng thiếu, chỉ chọn những từ tiêu biểu hoặc dùng sai) là những dạng lỗi này. Chẳng hạn: Trong nhiều kết từ và tổ hợp kết từ chỉ quan hệ nguyên nhân trong tiếng Việt như “vì, do, bởi, tại, nhờ, bởi vì, tại vì ...”, học viên nước ngoài rất thường dùng tổ hợp “tại vì” mà không cần biết sắc thái ý nghĩa của kết từ “tại” hoặc tổ hợp có “tại” bởi vì dạng câu hỏi về nguyên nhân họ được tiếp xúc đầu tiên là câu hỏi bắt đầu bằng “tại sao”; hoặc trong các kết từ chỉ quan hệ mục đích như “để, cho, vì, mà” học viên thường chỉ dùng “để” vì đây là một trong những từ họ được tiếp xúc đầu tiên mà không chú ý phân biệt cách dùng và sắc thái ngữ nghĩa của các từ này (“Tôi phải cố gắng nhiều vì tương lai của tôi” thay vì “Tôi phải cố gắng nhiều để tương lai của tôi”); hoặc thường dùng “Nếu... thì” mà ít khi dùng “Giá/ Giá như... thì”, “Hế... thì”... mặc dù tình huống được đặt ra trong câu phù hợp hơn với sắc thái ý nghĩa của các kết từ này. Tương tự như vậy nhiều người học cũng không cần chú ý phân biệt ý nghĩa của từ tình thái “lại” chỉ ý lặp lại khi đặt trước hoặc đặt sau động từ (“gặp lại” và “lại gặp”); từ tình thái “mới” khi biểu thị điều kiện trong kết cấu “có... mới” (“Có làm mới có ăn”) với “mới” khi biểu thị ý đánh giá là “sớm, ít” (“Mới tháng ba mà trời đã mưa rồi”); từ tình thái “được” khi ở vị trí trung tâm hoặc ở vị trí phụ ngữ (“đi được”, “được đi”)..

Những lỗi ngữ pháp được trình bày trên đây chỉ là kết quả của quá trình khảo sát những ngữ liệu cụ thể (530 bài viết của học viên nước ngoài khoa Ngữ văn). Những lỗi này có thể chưa phản ánh hết tình hình lỗi ngữ pháp của người học trong quá trình học tiếng Việt. Người viết chỉ hy vọng những kết quả này cung cấp những ngữ liệu thực tế nhằm khắc phục lỗi ngữ pháp cho người nước ngoài học tiếng Việt



đồng thời có thể dùng những kết quả này làm một trong những cơ sở định hướng cho việc biên soạn giáo trình ngữ pháp tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1]. Asher R.E. (1994), The Encyclopedia of language and linguistics (volume 4, 7), Pergamon, Oxford.
- [2]. Jack C. Richards (General Editor) (1985), Errors analysis – Perspectives on second language acquisition, Longman, England.
- [3]. Diane Larsen-Freeman and Michael H. Long (1997), An Introduction to second language acquisition research, Longman, London and New York.
- [4]. Đại học Tổng hợp TP HCM (1995), Tiếng Việt như một ngoại ngữ, NXB Giáo dục, TP.HCM.

#### Abstract

#### Foreigners' grammatical mistakes in studying Vietnamese

In this article we present the results of our observation about grammatical mistakes of foreign students studying Vietnamese in the Department of Vietnamese Linguistics and Literature. Based on the theories of second language acquisition, we also try to analyse the reasons that foreigners make these mistakes.